

KHỐI 7. MÔN NGỮ VĂN
HƯỚNG DẪN NỘI DUNG HỌC TẬP TUẦN 16

TUẦN 16

Tiết 61: Tiếng Việt

ÔN TẬP TIẾNG VIỆT
ÔN TẬP TIẾNG VIỆT (TIẾP)

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

Chú ý: Học sinh chỉ đọc, không cần viết bài

Đọc kĩ sách giáo khoa trang 183,184, 193,194 và thực hiện các yêu cầu

** Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung bài học:*

1. Hệ thống hoá kiến thức về:

- Cấu tạo từ (từ ghép, từ láy);
- Từ loại (đại từ, quan hệ từ);
- Từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm, thành ngữ;
- Từ Hán Việt ;
- Các phép tu từ.

2. Luyện tập

? Nhắc lại kiến thức Tiếng Việt đã học trong kỳ I?

? GV yêu cầu HS trình bày bảng hệ thống hoá kiến thức đã phân công chuẩn bị?

** Nhiệm vụ: Làm bài tập*

- Hướng dẫn học sinh làm bài tập.

B. NỘI DUNG GHI BÀI

Chú ý: Phần này học sinh ghi chép đầy đủ vào vở

1 . Bảng hệ thống hoá kiến thức

Đơn vị kiến thức	Khái niệm	Phân loại, cách dùng	Ví dụ
1. Từ ghép	Là từ có cấu tạo	- Từ ghép đẳng	- Nhà cửa

	bởi 2 tiếng có nghĩa trở lên.	lập, - Từ ghép chính phụ.	- Hoa lan
2. Từ láy	Là từ có 2 tiếng trở lên, giữa các tiếng có QH về âm.	- Từ láy toàn bộ - Từ láy bộ phận	- Xanh xanh - Lênh - khênh
3. Từ Hán Việt	Từ mượn tiếng Hán	- Từ ghép chính phụ - Từ ghép đẳng lập	- Thi nhân - Giang sơn
4. Đại từ	Là những từ dùng để trỏ người, sự vật, hoạt động, tính chất được nói đến trong một ngữ cảnh của lời nói hoặc dùng để hỏi.	- Đại từ để trỏ - Đại từ để hỏi *Có thể làm CN, VN, hay phụ ngữ của danh từ, động từ, tính từ.	- Tôi, mày ... - Ai, bao nhiêu
5. Quan hệ từ	Từ dùng để biểu thị các ý nghĩa quan hệ: sở hữu, so sánh ... giữa các bộ phận của câu hoặc giữa các câu trong đoạn văn.	- Trường hợp bắt buộc sử dụng và không bắt buộc sử dụng quan hệ từ. - Một số quan hệ từ dùng thành cặp.	- Sách của tôi - Cái tủ bằng gỗ - Vì trời mưa nên áo ướt.
6. Từ đồng nghĩa	Từ có nghĩa giống nhau hoặc gần	- Từ đồng nghĩa hoàn toàn	- Mẹ - má

	giống nhau.	- Từ đồng nghĩa không hoàn toàn.	- Chết - hi sinh
7. Từ trái nghĩa	Là từ có nghĩa trái ngược nhau.	- Sử dụng trong thể đối, tạo hình tượng tương phản.	- Sống - chết. - Cao - thấp.
8. Từ đồng âm	Là những từ có cách phát âm giống nhau, nhưng nghĩa khác xa nhau, không liên quan đến nhau.		- Nhãn lồng - Lồng gà - Ngựa lồng - Lồng chần
9. Thành ngữ.	Loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh	- Bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của từ ngữ hoặc thông qua các phép chuyển nghĩa.	- Nhà rách, vách nát - Nhanh như chớp ...
10. Điệp ngữ	Cách sử dụng từ ngữ lặp đi lặp lại để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh.	- Điệp ngữ cách quãng - Điệp ngữ chuyển tiếp - Điệp ngữ nối tiếp	- Cháu chiến đấu ... - Cảnh khuya như vẽ... - Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết ...
11. Chơi chữ	Là lợi dụng đặc sắc về âm về nghĩa của từ ngữ	- Dùng từ đồng âm; - Lối nói lái;	- Bà già đi chợ ... - Con cá đối bỏ trong cối đá ...

	để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước, ... làm câu văn hấp dẫn, thú vị.	- Cách trại âm - Cách điệp âm; - Từ đồng nghĩa, trái nghĩa, gần nghĩa, ...	- Đi phố Mía gặp cô hàng mật ...
--	---	--	----------------------------------

2 (sgk/184): Lập bảng so sánh quan hệ từ với danh từ, động từ, tính từ về ý nghĩa và chức năng.

Từ loại Ý nghĩa chức năng	Danh từ, động từ, tính từ	Quan hệ từ
Ý nghĩa	Biểu thị người, sự vật, hoạt động, tính chất.	Biểu thị ý nghĩa quan hệ
Chức năng	Có khả năng làm thành phần của cụm từ, của câu.	Liên kết các thành phần của cụm từ, của câu.

3: (Sgk/tr184)

- + Bạch (bạch cầu) – Trắng.
- + Bán (bán thân) – Một nửa.
- + Cô (cô độc) – Một mình, lẻ loi.
- + Cư (cư trú) – ở
- + Dạ (dạ hương, dạ hội) - đêm.
- + Đại (đại lộ, đại thắng) – to, lớn.
- + Điền (điền chủ, công điền) – ruộng.
- + Hà (sơn hà) – sông
- + Hậu (hậu vệ) – sau
- + Hồi (hồi hương) – về, trở lại.

- + Hữu (hữu ích) – có.
- + Lực (nhân lực) – sức.
- + Mộc (thảo mộc) cây
- + Nguyệt (nguyệt thực) trăng.
- + Nhật (nhật kí) ngày.
- + Quốc (quốc ca) nước
- + Tam (tam quốc) ba.
- + Tâm (yên tâm) lòng.
- + Thảo (thảo nguyên) cỏ.
- + Thiên (thiên niên kỉ) nghìn
- + Thiết (thiết giáp) sắt, thép.
- + Thôn (thôn, xã) làng, xóm.
- + Thư (thư viện) sách
- + Tiền (tiền đạo) trước.
- + Tiểu (tiểu đội) nhỏ
- + Tiểu (tiểu lâm) cười.
- + Vấn (vấn đáp) hỏi.

Bài tập 3 - SGK/193: Tìm một số từ đồng nghĩa và một số từ trái nghĩa với mỗi từ: bé (về mặt kích thước, khối lượng), thắng, chăm chỉ.

Từ đồng nghĩa	Từ ngữ	Từ trái nghĩa
nhỏ	bé	to, lớn
được	thắng	thua
siêng năng	chăm chỉ	lười biếng

Bài tập 6 - SGK/193: Tìm thành ngữ thuần Việt đồng nghĩa với mỗi thành ngữ Hán Việt sau:

Thành ngữ Hán Việt	Thành ngữ thuần Việt
Bách chiến bách thắng	Trăm trận trăm thắng

Bán tín bán nghi	Nửa tin nửa ngờ
Kim chi ngọc diệp	Cành vàng lá ngọc
Khẩu phật tâm xà	Miệng nam mô bụng một bồ dao găm

Bài tập 7/sgk/193: Hãy thay thế những từ ngữ in đậm trong các câu sau đây bằng những thành ngữ có ý nghĩa tương đương:

- đồng ruộng mênh mông và vắng lặng -> đồng không mông quạnh
- phải cố gắng đến cùng -> còn nước còn tát
- làm cha làm mẹ phải chịu trách nhiệm về hành động sai trái của con cái -> mũi đại, lái chịu đòn.
- giàu có, nhiều tiền bạc, trong nhà không thiếu thứ gì -> giàu nứt đố đổ vách

IV. DẶN DÒ:

- Chép bài đầy đủ
- Em hãy viết 1 đoạn văn ngắn (5-7 câu) về chủ đề quê hương, đất nước trong đó có sử dụng từ trái nghĩa, điệp ngữ.
- Chuẩn bị tiết “Hoạt động ngữ văn”

TUẦN 16

Tiết 70:

HOẠT ĐỘNG NGŨ VĂN

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

Chú ý: Học sinh chỉ đọc, không cần viết bài

Đọc kĩ sách giáo khoa Ngữ văn 7 thực hiện các yêu cầu

* *Nhiệm vụ 1: Củng cố kiến thức*

- Ôn tập lại các văn bản đã học

* *Nhiệm vụ 2: Làm bài tập*

- Học sinh làm bài tập theo yêu cầu.

B. NỘI DUNG GHI BÀI

Chú ý: Phần này học sinh ghi chép đầy đủ vào vở

I. Củng cố kiến thức

- Ôn tập, củng cố kiến thức các Văn bản, Tiếng Việt, Tập làm văn đã học

II. LUYỆN TẬP

1. Thi đọc diễn cảm bài thơ.

2. Thi đọc thơ, ca dao dân ca có sử dụng từ trái nghĩa, đồng âm, chơi chữ, đồng nghĩa

3. Thi kể lại nội dung bài thơ bằng lời văn của em (*Phát biểu suy nghĩ về bài thơ mà em ấn tượng nhất ở học kì 1 – văn 7*).

4. Hoàn thành bảng sau:

<i>STT</i>	<i>Tác phẩm</i>	<i>Tác giả</i>	<i>Thể thơ</i>
<i>1</i>	<i>Phò giá về kinh</i>		
<i>2</i>		<i>Hồ Xuân Hương</i>	
<i>3</i>	<i>Qua đèo Ngang</i>		
<i>4</i>	<i>Bạn đến chơi nhà</i>		

5		Hạ Tri Chương	
6	Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh		
7	Cảnh khuya		
8		Xuân Quỳnh	

Gợi ý:

STT	Tác phẩm	Tác giả	Thể thơ
1	Phò giá về kinh	Trần Quang Khải	Ngũ ngôn tứ tuyệt ĐL
2	Bánh trôi nước	Hồ Xuân Hương	Thất ngôn tứ tuyệt ĐL
3	Qua đèo Ngang	Bà Huyện Thanh Quan	Thất ngôn bát cú ĐL
4	Bạn đến chơi nhà	Nguyễn Khuyến	Thất ngôn bát cú ĐL
5	Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê	Hạ Tri Chương	Thất ngôn tứ tuyệt ĐL
6	Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh	Lý Bạch	Ngũ ngôn tứ tuyệt ĐL
7	Cảnh khuya	Hồ Chí Minh	Thất ngôn tứ tuyệt ĐL
8	Tiếng gà trưa	Xuân Quỳnh	Tự do (Theo thể thơ 5 tiếng)

5. Viết một đoạn văn ngắn có sử dụng điệp ngữ với chủ đề sau: “Mẹ - ngọn lửa hồng soi sáng cuộc đời con”.

Gợi ý:

Trong cuộc sống có biết bao nhiêu người để chúng ta thương yêu và dành nhiều tình cảm nhưng hình ảnh của mẹ vẫn là thiêng liêng, sưởi ấm tâm hồn con cho đến tận bây giờ và sẽ không bao giờ phai. Mẹ là ngọn lửa đỏ thắm luôn luôn bên cạnh con dù bất cứ nơi đâu. Mẹ đã hi sinh cho tất cả những gì con đang có của hôm nay và nó sẽ đi hết suốt hành trình của con trong tương lai. Mẹ che chở cho con giống như bầu trời che chở cho vạn vật. Mẹ chính là tất cả, tất cả những điều mà con đã học được và con đang có.

6.Cho câu chủ đề: “Tình cảm bà cháu sâu nặng, đẹp đẽ khắc sâu trong tâm trí người cháu” Hãy triển khai câu chủ đề trên bằng 1 đoạn văn.?

Gợi ý:

Tình cảm bà cháu sâu nặng, đẹp đẽ khắc sâu trong tâm trí người cháu.Điều đó làm nên hành trang và động lực chiến đấu của người cháu.Chính vì thế chỉ 1 tiếng gà trưa mà bao kỉ niệm đẹp về tuổi thơ, về hình ảnh bà bỗng chốc hiện lên thật đẹp. Bà yêu thương, tần tảo chăm sóc người cháu.Bà chắt chiu, dành dụm để nuôi dưỡng cháu. Người cháu luôn biết ơn bà,luôn nhớ thương bà để tiếp tục chiến đấu, chính tình bà cháu, tình cảm gia đình đã làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương đất nước.

IV. DẶN DÒ:

- Hoàn thành bài tập
- Chuẩn bị tiết “Hoạt động ngữ văn (Tiếp)”

TUẦN 16:

Tiết 71:

HOẠT ĐỘNG NGŨ VĂN

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

Chú ý: Học sinh chỉ đọc, không cần viết bài

Đọc kĩ sách giáo khoa Ngữ văn 7 thực hiện các yêu cầu

** Nhiệm vụ 1: Củng cố kiến thức*

- Ôn tập lại các văn bản đã học

** Nhiệm vụ 2: Làm bài tập*

- Học sinh làm bài tập theo yêu cầu.

B. NỘI DUNG GHI BÀI

Chú ý: Phần này học sinh ghi chép đầy đủ vào vở

I. Củng cố kiến thức

- Ôn tập, củng cố kiến thức các Văn bản, Tiếng Việt, Tập làm văn đã học

1. Các bước làm bài:

Bước 1 : Tìm hiểu đề, tìm ý:

a. Tìm hiểu đề: Xác định yêu cầu:

- Kiểu bài: Cảm nghĩ về tác phẩm văn học.

- Đối tượng: Bài thơ

b. Tìm ý:

- Giới thiệu bài thơ.

- Cảm nhận chung về các hình ảnh trong bài.

- Nêu cảm nghĩ cho từng câu thơ.

Bước 2: Lập dàn bài:

Bước 3: Viết bài

Bước 4: Đọc lại và sửa chữa:

II. LUYỆN TẬP

Đề bài: Trong cuộc đời của mỗi chúng ta không thể sống mà thiếu đi tình bạn, nhưng không phải bất kỳ tình bạn nào cũng được cho là đẹp và đáng quý. Nguyễn Khuyến đã gửi gắm những suy nghĩ sâu sắc về tình bạn qua bài thơ “*Bạn đến chơi nhà*”:

*“Đã bấy lâu nay bác tới nhà
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa
Ao sâu nước cả, khôn chài cá
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà
Cải chửa ra cây, cà mới nụ
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa
Đầu trò tiếp khách, trầu không có
Bác đến chơi đây, ta với ta.”*

Em hãy nêu suy nghĩ về tình bạn qua bài thơ “*Bạn đến chơi nhà*” của Nguyễn Khuyến.

Lập dàn bài

1. Mở bài:

-Trong những bài thơ được học em thích nhất là bài “*Bạn đến chơi nhà*” của Nguyễn Khuyến. Bài thơ là bản nhạc ghi lại một tình bạn cao quý, đậm đà, chân thành, thấm thiết của nhà thơ.

-Trích dẫn bài thơ.

*“Đã bấy lâu nay, bác tới nhà,
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu nước cả, khôn chài cá ,
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.
Cải chửa ra cây, cà mới nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách, trầu không có,
Bác đến chơi đây, ta với ta !”*

-Em thật sự xúc động trước những dòng thơ dạt dào tình cảm ấy

2. Thân bài:

-Mở đầu bài thơ, tác giả viết:

Đã bấy lâu nay bác tới nhà.

-Em dường như cảm nhận được sự vui mừng khôn xiết của nhà thơ khi bạn đến chơi. Cách gọi bạn bằng “bác” thể hiện sự yêu quý, kính trọng của tác giả. Từ ngày cáo quan về ở ẩn tại chốn quê nghèo sinh sống đã lâu, nay có bạn đến chơi nhà hỏi làm sao Nguyễn Khuyến không vui cho được. Em cũng muốn chia sẻ niềm vui ấy với tác giả khi ông đón bạn. người kia chắc phải là người bạn thân thiết lắm!

-Bạn thân ở nơi xa tới chơi, lâu ngày mới gặp thì nhất thiết phải mời bạn một bữa cơm thịnh soạn. Thế nhưng thật đáng tiếc bữa cơm dự định kia không thể diễn ra vì:

Trẻ thời đi vắng chợ thời xa,

Ao sâu nước cả khôn chài cá

Vườn rộng rào thưa khó đuổi gà

Cải chửa ra hoa cà mới nụ

Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa

-Em có thể hình dung ra sự loay hoay, lúng túng đáng thương của vị đại quan năm nào, nay đã là ông già dân dã chốn quê mùa. Nguyễn Khuyến đang phân bua với bạn gia cảnh của mình. Ông muốn tiếp đãi bằng mâm cao cỗ đầy, sơn hào hải vị, món ngon... trong nhà nhưng tất cả đều chưa đến thì, đến lựa đến vụ biết làm sao đây... Nhưng xét kỹ qua lời phân trần của Nguyễn Khuyến, em thấy ông đâu có nghèo! Câu thơ nói đến cái không nhưng hàm chứa cái có. Cái nghèo vật chất trong hiện tại được thi vị hóa như là sự giàu có trong tương lai.

Thật hóm hỉnh, khi nhà thơ có tất cả để tiếp đãi bạn nhưng vì nhiều lý do khách quan mà ông thể tiếp đãi bạn tươm tất. Những câu thơ là nụ cười cáo lỗi. Nụ cười thật duyên dáng khi ông dùng cách nói ngược để kể về cuộc sống thanh bần của mình. Đọc đến câu thơ:

Đầu trò tiếp khách trầu không có,

- Em dường như cảm nhận được tâm trạng của nhà thơ trong tình huống khó xử này: đến cả “miếng trầu là đầu câu chuyện” cũng không có. Vậy là Nguyễn Khuyến đang trực tiếp bộc bạch với bạn về cuộc sống thanh bần, về cảnh nghèo của mình. Chắc hẳn ông phải là vị quan thanh liêm nên cuộc sống đến giờ vẫn thiếu thốn như vậy. Điều này khiến em càng yêu quý Nguyễn Khuyến khi nhà thơ chọn cuộc sống thanh bạch nơi dân dã.

- Không có điều kiện về vật chất, nhà thơ đã đón bạn bằng cả tấm lòng bằng cách hạ một câu kết thật độc đáo:

Bác đến chơi đây ta với ta

- Hai từ “ta” dường như đã thu lại hết sự gần gũi, thân thiết diễn tả tình cảm trong sáng của tình bạn. Thật hay, thật thú vị và thật đáng quý của một tình bạn chân thành, thắm thiết. Chủ và khách, hai người nhưng cùng một tâm trạng vui sau bao ngày gặp lại. Tình bạn ấy quý giá không vật chất nào sánh được!

3. Kết bài:

- “Bạn đến chơi nhà” là một bài thơ nổi tiếng về tình bạn, để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc. Nhà thơ đã dùng lối nói ngược, hóm hỉnh và rất duyên để thể hiện tình cảm bạn bè thắm thiết, chân thành.

- Em thật xúc động trước tình bạn cao quý, đậm đà của tác giả đồng thời cũng học được một bài học sâu sắc về tình bạn.

- Cảm phục tài năng sáng tác thơ của Nguyễn Khuyến; lời thơ tự nhiên, trong sáng, giản dị, ấm áp tình người.

V. DẶN DÒ:

- Soạn bài Hoạt động ngữ văn

TUẦN 16:

Tiết 72:

HOẠT ĐỘNG NGŨ VĂN

A. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

Chú ý: Học sinh chỉ đọc, không cần viết bài

Đọc kĩ sách giáo khoa Ngữ văn 7 thực hiện các yêu cầu

* *Nhiệm vụ 1: Củng cố kiến thức*

- Ôn tập lại các văn bản đã học

* *Nhiệm vụ 2: Làm bài tập*

- Học sinh làm bài tập theo yêu cầu.

B. NỘI DUNG GHI BÀI

Chú ý: Phần này học sinh ghi chép đầy đủ vào vở

I. Củng cố kiến thức

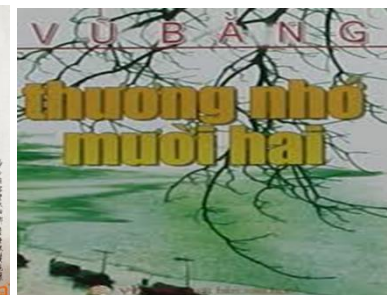
- Ôn tập, củng cố kiến thức các Văn bản, Tiếng Việt, Tập làm văn đã học

II. LUYỆN TẬP

1. Trò chơi: Nhìn tranh đoán tác phẩm



Nữ sĩ
Hồ
Xuân
Hương



2. Xác định chủ đề của các câu ca dao sau:

Khôn ngoan đối đáp người ngoài

Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau

=> Tình cảm gia đình

b) *Đường vô xứ Huế quanh quanh*

Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.

=> Tình yêu quê hương, đất nước, con người

c) *Thân em như tấm lụa đào*

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.

=> Ca dao than thân

3. Nhanh tay nhanh trí

4 tổ thi tìm ca dao theo chủ đề. Trong thời gian quy định, đội nào tìm được nhiều hơn thì giành chiến thắng.

V. DẶN DÒ:

- Soạn bài Ôn tập KT HKI